

QUỐC HỘI
Số: 270B-NQ/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 1990

LUẬT

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Để hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng cho ngân sách Nhà nước một cách hợp lý, tăng cường quản lý sản xuất kinh doanh đối với một số mặt hàng sản xuất;

*Căn cứ vào Điều 80 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Luật này quy định thuế tiêu thụ đặc biệt.*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế sản xuất mặt hàng quy định tại Điều 9 của Luật này đều phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 2

Mỗi mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt một lần.

Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi bán ra những mặt hàng này, chỉ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt mà không phải nộp thuế doanh thu.

Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu trước, khi tính thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu sản xuất, chế biến sau, nếu có chứng từ hợp lệ.

Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt dùng để xuất khẩu, thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 3

Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có nghĩa vụ khai báo, nộp thuế đầy đủ theo đúng quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 4

Nghiêm cấm mọi hành vi trốn thuế, dấy đưa trong việc nộp thuế và các hành vi khác vi phạm những quy định của Luật này.

Điều 5

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang và mọi công dân có trách nhiệm giúp đỡ cơ quan thuế, cán bộ thuế trong việc thi hành nhiệm vụ.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 6

Căn cứ tính thuế đối với hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là số lượng hàng hoá tiêu thụ, giá tính thuế đơn vị hàng hoá và thuế suất.

Điều 7

Giá tính thuế của mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở sản xuất mặt hàng đó bán ra.

Điều 8

Trong trường hợp trao đổi hàng hoá hoặc cung ứng hàng hoá của cơ sở sản xuất cho nhu cầu tiêu dùng trong nội bộ hoặc biếu, tặng người khác, thì số hàng hoá đó phải được tính thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm phát sinh để làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 9

Mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế suất được quy định theo Biểu thuế sau đây:

Số TT	Mặt hàng	Thuế suất %
1	Thuốc hút	
	a) Thuốc lá lá, thuốc lá sợi	20
	b) Thuốc lá điếu:	
	+ Có đầu lọc	50

	+ Không có đầu lọc, xì gà	40
2	Rượu các loại:	
	+ Trên 40°	65
	+ Từ 30° đến 40°	60
	+ Dưới 30°	55
3	Bia các loại	50
4	Pháo	70
5	Bài lá	70
6	Vàng mã	70

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Nhà nước có thể quyết định sửa đổi, bổ sung một số mặt hàng, thuế suất quy định trong Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt và phải báo cáo để Quốc hội phê chuẩn trong kỳ họp gần nhất.

CHƯƠNG III

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ VÀ VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ

Điều 10

Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có trách nhiệm:

- 1- Kê khai, đăng ký với cơ quan thuế về vốn, lao động, mặt hàng, địa điểm sản xuất kinh doanh chậm nhất là năm ngày, trước khi bắt đầu hoạt động hoặc sáp nhập, phân chia, thay đổi địa điểm; trong trường hợp giải thể hoặc thay đổi kinh doanh cũng phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là năm ngày trước khi giải thể hoặc thay đổi kinh doanh;
- 2- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán, chứng từ, hoá đơn theo quy định của Nhà nước cho từng loại đối tượng;

- 3- Kê khai các mẫu biểu có liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt theo chế độ do Bộ tài chính quy định;
- 4- Cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan thuế trong việc kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ, hoá đơn, kho nguyên liệu, hàng hoá, xưởng sản xuất, chế biến, cửa hàng;
- 5- Nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn.

Điều 11

Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có nghĩa vụ:

- Nộp tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt của tháng trước cho cơ quan thuế trong thời hạn năm ngày đầu tháng sau, kể cả trường hợp không có phát sinh thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Nộp đủ số thuế tiêu thụ đặc biệt sau khi trừ số thuế đã tạm nộp trong tháng, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu trước nếu có, theo thời hạn quy định của cơ quan thuế. Thời hạn quy định này chậm nhất không được quá ngày mười lăm tháng sau.

Điều 12

Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có dùng nhãn hiệu phải khai báo mẫu nhãn hiệu, với cơ quan trực tiếp thu thuế. Khi thay đổi nhãn hiệu phải khai báo lại. Thời hạn khai báo chậm nhất là năm ngày trước khi sử dụng nhãn hiệu hoặc thay đổi nhãn hiệu.

Điều 13

Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ngừng hoạt động từ một tháng trở lên phải khai báo về việc ngừng hoạt động và số hàng tồn kho với cơ quan trực tiếp thu thuế; khi hoạt động trở lại phải khai báo lại. Thời hạn khai báo chậm nhất là năm ngày, trước khi ngừng hoạt động hoặc hoạt động trở lại.

Điều 14

Đối với hàng công nghiệp thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở sản xuất nộp khi bán hàng hoặc trả hàng gia công.

Đối với thuốc lá lá, thuốc lá sợi, thuế tiêu thụ đặc biệt do người thu mua nộp tại địa phương thu mua, trước khi vận chuyển hàng.

Điều 15

Việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:

- 1- Cơ sở nhỏ được khoán số lượng hàng hoá tiêu thụ và nộp thuế theo định kỳ hàng tháng vào ngày 10, ngày 20 và ngày cuối tháng;
- 2- Cơ sở lớn nộp thuế mỗi khi bán hàng hoặc trả hàng gia công. Cơ quan thuế cử cán bộ theo dõi thường xuyên tại các cơ sở này.

Điều 16

Hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi vận chuyển phải có chứng từ hợp lệ kèm theo. Chứng từ về thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm:

- 1- Chứng từ nộp thuế:
 - a) Biên lai thu thuế hoặc chứng từ nộp thuế của cơ quan thuế;
 - b) Giấy chuyển vận được cơ quan thuế cấp hoặc hoá đơn của xí nghiệp quốc doanh đã được đăng ký tại cơ quan thu thuế;
- 2- Giấy chuyển kho chưa nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là chứng từ do cơ quan trực tiếp thu thuế cấp cho số hàng hoá khi chuyển kho sang địa điểm khác.

Điều 17

Cơ quan thuế có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1- Hướng dẫn, giúp đỡ, đôn đốc cơ sở kinh doanh thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán, chứng từ, hoá đơn và thủ tục kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt;
- 2- Kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ, hoá đơn, kho nguyên liệu, hàng hoá, xưởng sản xuất, chế biến, cửa hàng, phương tiện vận tải có liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt;
- 3- Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu mọi tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu có liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt;
- 4- Tính thuế, lập sổ thuế, duyệt sổ thuế, và thông báo số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào kho bạc Nhà nước, cấp giấy vận chuyển hàng hoá; khi thu thuế, cơ quan thu thuế phải cấp biên lai nộp thuế do Bộ tài chính phát hành;
- 5- Lập biên bản và xử phạt hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các vi phạm Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;
- 6- Xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 18